TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**27/**2022/HNGĐ – ST
Ngày:17 – 5 – 2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Phước
Ông Hà Văn Châu

Thư ký phiên toà: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 51/2022/TLST – HNGĐ ngày 03/3/2022; Về việc:*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:51/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022; *giữa các đương sự:*

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 03/7, Hẻm 07, đường H, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 03/7, Hẻm 07, đường H, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2022, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:*

Bà với ông Huỳnh Ngọc L cưới nhau năm 2000, trên tinh thần hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường 6, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2000/Quyển số 01 ngày 27/12/2000. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra

nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, không cảm thông, chia sẽ với nhau, nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được, nên đến tháng 02 năm 2019 bà với ông L sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn để cùng chung sống với nhau, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với ông L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà với ông L có với nhau 03 con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh năm 2001 (nam), Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 20/11/2004 (nữ) và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2011. Hiện các con đang ở chung với bà và bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, bà có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là cháu Tr và Q đến tuổi trưởng thành, sau khi ly hôn, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu P đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập riêng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn ông L vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T, cho bà T được ly hôn với ông L theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung giao hai cháu Tr và Q cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của các cháu, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T có đơn xin xét xử vắng mặt; Còn bị đơn ông Huỳnh Ngọc L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có ly do. Xét thấy, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông L theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T với ông L cưới nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Đến cuối năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được, nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2019 ông bà sống ly thân với nhau. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn với ông L. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T với ông Huỳnh Ngọc L cưới nhau năm 2000, trên tinh thần hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường 6, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2000/Quyển số 01 ngày 27/12/2000, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo bà T trình bày thì cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông L từ năm 2018 không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không quan tâm, chia sẽ với nhau trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được nên đến tháng 02/2019 bà với ông L sống ly thân với nhau cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân vẫn không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau, nay giữa bà với ông L không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông L. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau và bị đơn ông L cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà T nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T đối với ông Huỳnh Ngọc L.

[4] Về con chung: Bà T với ông L có với nhau 03 con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh năm 2001 (nam), Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 20/11/2004 (nữ) và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2011. Hiện các con đang ở chung với bà T và bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, theo biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của các cháu Tr và Q vào ngày 24/3/2022 tại Tòa án thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ (bà T) nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con của bà T là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, bị đơn ông L cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu được quyền nuôi con của bà T, nên yêu cầu này của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L.

2/Về con chung: Giao hai cháu Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 20/11/2004 (nữ) và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Tuyết T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, sau khi ly hôn.

Dành cho ông Huỳnh Ngọc L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà Nguyễn Thị Tuyết T không yêu cầu cấp ông L cấp dưỡng nuôi các con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000290 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà T đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường 6;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha